

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----*-----
Bản án số: **212/2019/DS-ST**

Ngày 25/10/2019.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thúy An.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Năm.

2. Ông Nguyễn Văn Mạng.

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Nguyễn Văn Nguyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* **Bà Trần Thị Ngọc Tuyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị P**, sinh năm 19xx (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Th, huyện Đ, tỉnh TG.

- *Bị đơn:* **Lê Minh T**, sinh năm 19xx (vắng mặt).

Nguyễn Thị Đ, sinh năm 19xx (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã Tr, huyện Đ, tỉnh TG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 06/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà và vợ chồng anh T, chị Đ làm ăn mua bán ngẫu nhiên với nhau khoảng 10 năm. Thông thường, anh T, chị Đ mua ngẫu nhiên của bà khoảng nửa tháng cộng sổ tính tiền một lần. Đến khoảng từ năm 2016 đến năm 2017, anh T, chị Đ nhiều lần mua ngẫu nhiên mà không trả đủ tiền cho bà và xin trả lãi cho bà, bà cũng đồng ý nhưng trả lãi Đ một thời gian thì anh T, chị Đ cũng ngưng. Đến ngày 26/3/2018, bà yêu cầu vợ chồng anh T, chị Đ đến quyết toán nợ với bà nhưng chỉ có anh T đến. Anh T thừa nhận còn nợ bà 270.000.000 đồng và hai bên thống nhất chuyển số tiền nợ này sang tiền vay, lãi

suất thỏa thuận là 2%/tháng và có làm biên nhận cùng ngày. Sau đó, vợ chồng anh T, chị Đ trả cho bà Đ 20.000.000 đồng tiền lãi do chị Đ tự tính và Đ viết phía dưới biên nhận ngày 26/3/2018.

Đến ngày 26/02/2019, chị Đ gặp bà để thỏa thuận lại thời gian trả nợ, thỏa thuận 02 tháng sẽ trả 30.000.000 đồng vào ngày 26 hàng tháng, lãi suất vẫn là 2%/tháng, có làm biên nhận cùng ngày, chị Đ có ký tên. Tuy nhiên, sau đó, anh T, chị Đ không trả tiền cho bà.

Nay bà yêu cầu anh T và chị Đ cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc 270.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi từ ngày 26/02/2019 đến ngày 26/6/2019 là 04 tháng, với mức lãi suất 01%/tháng, thành tiền 10.800.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 280.800.000 đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn anh Lê Minh T và chị Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh T và chị Đ đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Và về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P, buộc anh Lê Minh T và chị Nguyễn Thị Đ cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền gốc và lãi còn nợ là 280.800.000 đồng trả một lần, khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã Đ xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Giao dịch giữa bà P và anh T, chị Đ ban đầu là hợp đồng mua bán tài sản nhưng sau đó, các bên đã thỏa thuận chuyển số nợ tiền mua ngẫu nhiên sang tiền vay theo biên nhận ngày 26/3/2018 và ngày 26/02/2019 (BL26). Do đó, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa bà P và anh T, chị Đ là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh T và chị Đ đã Đ Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh T và chị Đ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, bà P yêu cầu anh T và chị Đ cùng có nghĩa vụ trả tiền còn nợ là 270.000.000 đồng theo biên nhận ngày 26/3/2018 và ngày 26/02/2019 (BL26).

Xét thấy, từ khoảng năm 2016 đến năm 2017, vợ chồng anh T, chị Đ nhiều lần mua ngẫu nhiên mà không trả đủ tiền cho bà. Sau đó, các bên quyết toán lại nợ, anh T thừa nhận còn nợ bà P 270.000.000 đồng và thống nhất chuyển số tiền nợ này sang tiền vay, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng và có làm biên nhận ngày

26/3/2018. Đến ngày 26/02/2019, chị Đ thỏa thuận với bà P về thời gian trả nợ và chị Đ có viết biên nhận cùng ngày. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã Đ tổng đất hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T và chị Đ đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp chứng cứ gì để phản đối lại yêu cầu khởi kiện của anh Tuấn nên anh T và chị Đ phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu của bà P là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự nên Đ Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh T và chị Đ cùng có nghĩa vụ trả lại bà P số tiền là 270.000.000 đồng.

Về yêu cầu trả lãi, bà P yêu cầu anh T, chị Đ trả lãi đối với số tiền vay 270.000.000 đồng, với mức lãi suất 01%/tháng, tính từ ngày 26/02/2019 đến ngày 26/6/2019 là 04 tháng, thành tiền 10.800.000 đồng. Xét thấy, theo biên nhận ngày 26/3/2018 và ngày 26/02/2019 (BL26) đây là Hợp đồng vay có lãi và mức lãi suất bà P yêu cầu phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên Đ Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh T, chị Đ cùng có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền lãi là 10.800.000 đồng.

Về thời gian trả, tại phiên tòa bà P yêu cầu anh T và chị Đ trả lại số tiền gốc và lãi một lần, khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, yêu cầu của bà P là có cơ sở. Vì anh T và chị Đ nợ số tiền trên đã quá thời hạn trả nợ nhưng đến nay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà P nên buộc anh T và chị Đ cùng có nghĩa vụ trả lại bà P số tiền gốc và lãi 280.800.000 đồng một lần, khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên Đ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do anh T và chị Đ có nghĩa vụ trả nợ nên anh T và chị Đ phải chịu án phí theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bà P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.**

- Buộc anh Lê Minh T và chị Nguyễn Thị Đ cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền **280.800.000 đồng** (Hai trăm tám mươi triệu tám trăm nghìn đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh T và chị Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

• Anh T và chị Đ cùng phải chịu án phí là 14.040.000 đồng (*Mười bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*).

• Hoàn lại bà P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.002.000 đồng (*Bảy triệu lẻ hai nghìn đồng*) theo biên lai số 46739 ngày 06/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà P được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm. Riêng anh T và chị Đ thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:**

- VKSND huyện GCD;
- Chi cục THADS huyện GCD;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An